

Rx Thuốc kê đơn

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ

PHILGENTA

SDK: VD-23390-15

◆ THÀNH PHẦN: Mỗi tuýp 10g kem chứa:

Hoạt chất:

Betamethason dipropionat.....6,4 mg

Gentamicin10 mg

(dưới dạng gentamicin sulfat)

Clotrimazol100 mg

Tá dược: Chlorocresol, cetostearyl alcohol, vaselin, parafin lỏng, polyoxyl 25 cetostearyl ether, propylen glycol, natri dihydro phosphat, methylparaben, propylparaben, nước tinh khiết.

◆ DẠNG BẢO CHẾ: Kem bôi ngoài da.

◆ DƯỢC LỰC HỌC

- Hoạt chất của PHILGENTA là betamethason dipropionat, clotrimazol và gentamicin sulfat. PHILGENTA kết hợp giữa hoạt tính kháng viêm mạnh của betamethason, tính kháng nấm phổ rộng của clotrimazol và tính kháng khuẩn phổ rộng của gentamicin sulfat.

- Betamethason dipropionat là một corticosteroid tổng hợp, có tác dụng chống viêm và chống dị ứng.

- Clotrimazol là thuốc chống nấm phổ rộng được dùng điều trị các trường hợp bệnh ngoài da do nhiễm các loài nấm gây bệnh khác nhau. Cơ chế tác dụng của clotrimazol là liên kết với các phospholipid trong màng tế bào nấm, làm thay đổi tính thấm của màng, gây mất các chất thiết yếu nội bào dẫn đến tiêu hủy tế bào nấm. Clotrimazol được chứng minh có hiệu quả trong việc điều trị bệnh nấm bàn chân (nấm da chân), nấm ở háng (nấm da đùi) và nấm toàn thân gây ra bởi *Trichophyton rubrum*, *Trichophyton mentagrophytes*, *Epidermophyton floccosum* và *Microsporum canis*; bệnh candida do *Candida albicans*; lang ben gây ra bởi *Malassezia fufur* (*Pityrosporum obiculare*).

- Gentamicin sulfat là một kháng sinh thuộc nhóm aminoglycosid có tác dụng diệt khuẩn qua ức chế quá trình sinh tổng hợp protein của vi khuẩn. Gentamicin đạt hiệu quả cao khi dùng tại chỗ để điều trị các nhiễm trùng da tiền phát hoặc thứ phát. Các vi khuẩn nhạy cảm với gentamicin bao gồm các chủng *Streptococcus* nhạy cảm (tan máu β nhóm A, tan máu α), *Staphylococcus aureus* (tụ cầu coagulase dương tính, coagulase âm tính và một vài chủng sản xuất penicillinase) và các vi khuẩn gram âm như *Pseudomonas aeruginosa*, *Aerobacter aerogenes*, *Escherichia coli*, *Proteus vulgaris* và *Kebsiella pneumoniae*.

◆ DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Betamethason dễ được hấp thu khi dùng tại chỗ. Khi bôi, đặc biệt nếu băng kín hoặc khi da bị rách hoặc khi thực trực tràng, có thể có một lượng betamethason được hấp thu vào hệ tuần hoàn.

- Clotrimazol và gentamicin rất ít được hấp thu khi dùng ở dạng chế phẩm bôi trên da.

◆ CHỈ ĐỊNH

PHILGENTA được chỉ định làm giảm triệu chứng viêm của các bệnh ngoài da đáp ứng với corticosteroid khi có biến chứng nhiễm khuẩn và nhiễm nấm thứ phát do các vi sinh vật nhạy cảm với các thành phần của thuốc hay khi nghi ngờ có nhiễm khuẩn và nhiễm nấm.

◆ LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Thoa thuốc lên vùng da bị bệnh và xung quanh đó hai đến ba lần mỗi ngày.

Để việc điều trị có kết quả, nên thoa thuốc đều đặn. Thời gian trị liệu phụ thuộc vào mức độ, vị trí của vùng da bệnh và sự đáp ứng của người bệnh. Tuy nhiên, nếu không có cải thiện lâm sàng sau bốn tuần thoa thuốc, nên xem lại chuẩn đoán; đặc biệt đối với trẻ em không quá 2 tuần, trẻ sơ sinh không quá 1 tuần.

◆ CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Bệnh nhân quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Không dùng thuốc này cho mắt.

◆ THẬN TRỌNG

- Không nên dùng thuốc diện rộng hoặc dùng thuốc thời gian dài.

- Không nên dùng thuốc dưới dạng băng ép.

- Corticosteroid dùng tại chỗ để điều trị bệnh vẩy nến có thể gây hại cho người bệnh do phản ứng dội ngược, mà nguy cơ là xuất hiện vẩy nến mụn mủ, và thuốc sẽ gây độc tính tại chỗ và toàn thân cho người bệnh do chức năng bảo vệ của da bị suy giảm.

◆ TƯƠNG TÁC THUỐC

Chưa có báo cáo.

◆ SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Do chưa có đủ bằng chứng về độ an toàn của thuốc khi dùng cho phụ nữ có thai nên chỉ dùng thuốc này cho phụ nữ có thai khi lợi ích của việc điều trị cần phải được đặt lên trên các nguy cơ có thể xảy ra đối với bào thai.

◆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc tới khả năng lái xe và vận hành máy móc.

◆ TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các tác dụng phụ sau có thể xảy ra khi dùng thuốc: Cảm giác bỏng rát, ngứa, dát sần, phù, bội nhiễm, ban đỏ, mụn nước, bong da, nổi mào đay và kích ứng da.

* **Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

◆ QUÁ LIỀU

Chưa có báo cáo về trường hợp sử dụng quá liều

◆ BẢO QUẢN: Bảo quản trong hộp kín, nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C.

◆ HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

* **Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.**

◆ ĐÓNG GÓI: Hộp chứa 1 tuýp 10 g.

Sản xuất bởi

CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA

Số 25, Đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.